

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v: tr/c hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Công Ny**

2. Bà **Hồ Thị Kim Luyện**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Đức** – Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 09 tháng 04 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Lưu Thanh M**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 67/28 H, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960 (Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2019).

Địa chỉ: 130 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Các bị đơn:

- Bà **Vương Thị Kim P**, sinh năm 1974,

- Bà **Nguyễn Thị Tuyết N**, sinh năm 1997;

Cùng địa chỉ: 4/52 đường C, phường C1, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ông có cho bà Vương Thị Kim P và con gái bà P là Nguyễn Thị Tuyết N vay tiền nhiều lần, lý do là để bà P và bà N sửa nhà, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 08/8/2018 - Vay 3.000USD (Tạm tính sang đồng Việt Nam là 1USD = 2.300đồng x 3.000 USD = 69.000.000 đồng)

- Lần 2: Ngày 22/9/2018 - Vay 50.000.000đồng

- Lần 3: Ngày 23/9/2018 - Vay 200.000.000đồng

Tổng cộng: 319.000.000 đồng.

Tất cả các lần vay trên đều do bà P viết biên nhận, trong các biên nhận đều có hẹn thời hạn hoàn trả lại tiền là 01 tháng. Riêng đối với biên nhận vay lần 3 (vay 200 triệu) bà P có cam kết trong thời hạn 90 ngày, mỗi ngày góp 3.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn không trả cho ông M như cam kết. Ông M đã nhiều lần điện thoại nhắc, yêu cầu bà P và bà N trả nợ nhưng đến nay cả hai vẫn chưa trả số tiền trên cho ông. Việc cho vay này, bà P là người viết biên nhận nhưng khi nhận tiền thì có cả bà N, do vậy ông M khởi kiện yêu cầu cả bà N và bà P phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền trên.

Bị đơn – Bà Vương Thị Kim P và bà Nguyễn Thị Tuyết N: Đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với bà P, bà N theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị đơn vắng mặt. Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà P, bà N phải trả cho ông M số tiền là 319.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi trên số tiền trên. Chỉ yêu cầu các bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả tại giai đoạn thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định tranh chấp trong vụ kiện là tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản”, giữa cá nhân với cá nhân, tranh chấp này được Bộ luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Do phía bị đơn thường xuyên vắng nhà nên Tòa án không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp cho phía bị đơn. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Tòa

án đã tiến hành niêm yết các thông báo triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại nhà của bị đơn và trụ sở Ủy ban nhân dân phường C1 - nơi bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú, theo quy định. Nay căn cứ vào các thủ tục tố tụng đã được tiến hành hợp lệ, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với các bị đơn theo quy định tại Điều 179, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi các bị đơn phải cùng có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay theo 03 biên nhận đã ký là 319.000.000 đồng.*

Thứ nhất, về người có nghĩa vụ trả nợ: Nguyên đơn cung cấp được 03 biên nhận gốc, thể hiện 03 lần vay của phía bị đơn, tuy nhiên, tất cả các biên nhận đều do một mình bà Vương Thị Kim P ký tên, không có chữ ký của bà N. Nguyên đơn cho rằng, bà N là người viết biên nhận, còn bà P là người ký tên vào biên nhận, cả bà N và bà P đều là người nhận tiền vay của ông, nên nay yêu cầu nghĩa vụ trả tiền của cả hai mẹ con bà P, bà N. Xét chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng, cả 03 biên nhận đều do một mình bà P ký tên, không có chứng cứ nào chứng minh chữ viết trong biên nhận là của bà N, hay bà N cùng bà P nhận tiền vay của nguyên đơn. Do vậy, chỉ có thể tuyên buộc trách nhiệm đối với người ký biên nhận vay là bà P, không có căn cứ để buộc trách nhiệm trả tiền của N như nguyên đơn yêu cầu.

Thứ hai, về số tiền vay theo biên nhận mà nguyên đơn yêu cầu: Trong 03 biên nhận nguyên đơn cung cấp, có biên nhận vay vào 08/8/2018, bà P ghi nhận có vay nguyên đơn số tiền 3.000 USD (ba ngàn đô la Mỹ). Việc giao dịch (cho vay) bằng ngoại tệ giữa các cá nhân là vi phạm Điều 22 Pháp lệnh ngoại hối số 07/VPQH ngày 11/7/2013 - quy định về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam, do vậy cần phải quy đổi số tiền trên ra tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử, tương ứng: $3.000 \text{ USD} \times 2.319.773 \text{ đồng}$ (giá USD ngày 09/4/2019) = 69.586.065 đồng. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, phía nguyên đơn chỉ yêu cầu tính tròn số tiền là 69.000.000 đồng. Ý kiến này của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn và không trái với quy định của pháp luật nên có căn cứ để ghi nhận.

02 biên nhận còn lại, do bà P ký, ghi nhận có vay nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng và 50.000.000 đồng. Do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên buộc bà Vương Thị Kim P phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn 03 khoản tiền (tương ứng với 03 biên nhận vay như trên), lần lượt là $69.000.000 + 200.000.000 + 50.000.000 = 319.000.000$ đồng.

Về tiền lãi: Phía nguyên đơn không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí là 5% trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 179; Điều 228 và 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Vương Thị Kim P phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Lưu Thanh M số tiền 319.000.000 đồng (ba trăm mười chín triệu đồng).

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả số tiền trên thì phải chịu lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nêu trên.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn – bà Vương Thị Kim P phải chịu: 15.950.000 đồng.

- Nguyên đơn – ông Trần Lưu Thanh M được nhận lại 7.975.000 đồng theo Biên lai thu số 000629 ngày 28/11/2018 tại Chi cục thi hành án quận N.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

Đương sự
VKSND quận NK
TAND TPCT
THA

Lưu hồ sơ

(Đã ký)

Đặng Thị Huệ